

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3	7:25	22	0		18	0	
2		P5+CTK3	7:25	4+18	0+0		1+21	0+0	
3		TD5+P3+TTC2	9:25	22+0+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
4		BK9+CTK3+P4	9:25	14+2+5	0+0+0		5+2+7	0+0+0	
5		BK14+VSP01+TD5	11:25	12+6+2	0+0+0		11+0+10	0+0+0	
6		TD3+CTK3	11:25	3+17	0+0		0+22	0+0	
7		BK21+P8	13:25	2+17	0+0		3+14	0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2024	TO: TD3	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: NAM - N.ANH - VŨ	ETA: 09:20
XANH-I			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	STARZHINSKIY E.	TD3	17	1	10			105	AY CII	Russian
2	TRINH ĐAC MINH	TD3	13-14	2	8			77	AY CII	Vietnamese
3	VU VAN TUONG	TD3	05-06	2	12			75	D-HANH	Vietnamese
4	VU TIEN LUC	TD3	01	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN ĐUC THANG	TD3	07	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
6	HOANG NGOC NGHIA	TD3	03	1	5			71	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN XUAN KY	TD3	21	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN THE DUNG	TD3	16	1	5			62	KHOAN	Vietnamese
9	KOSHELEV PAVEL	TD3	23	1	7			90	KHOAN	Russian
10	GILEMKHANOV R.	TD3	18	1	7			90	KHOAN	Russian
11	KHONG QUOC HUNG	TD3	22	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
12	LUU QUYET THANG	TD3						72	KHOAN	Vietnamese
13	TA HOAI TRANG	TD3	15	1	5			75	ANTOAN	Vietnamese
14	VO NGUYEN KHANG	TD3	10	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
15	PHAM VIET DUNG	TD3	19-20	2	10			65	KHOAN	Vietnamese
16	ĐANG HUY LONG	TD3	12	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
17	LE NGOC BINH	TD3	04	1	5			82	KHOAN	Vietnamese
18	PHUNG VAN XUYEN	TD3	11	1	5	4	70	70	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN TRUC TUYEN	TD3	09	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
20	VU NGOC THANH	TD3	24	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
21	THAI QUY UOC	TD3	08	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
22	ĐANG XUAN LUU	TD3						70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TD3		22	1.634	23	124	4	70	18		
TOTAL			22	1.634	23	124	4	70	18		
WEIGHT KG				1.634		124		70			

GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 16/09/2024		TO: P5 - CTK3				AIRCRAFT: 410				ETD: 07:35	
FLIGHT: 02		FROM: VT				CREW: DUONG - M.ĐỨC - NNAM				ETA: 09:25	
CAM-1											
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION	
						PCS	Kg				
1	PHẠM THẾ QUANG	P5	49	1	13			75	KH-THAC	Vietnamese	
2	NGUYỄN THANH LUÂN	P5	50	1	10			60	KH-THAC	Vietnamese	
3	VÔ TRỌNG NHIÊN	P5	47	1	15			55	KH-THAC	Vietnamese	
4	VU MINH TUNG	P5	48	1	12			72	KH-THAC	Vietnamese	
5	ĐO QUỐC TUNG (HLO)	CTK3	35	1	10	5	100	82	KH-THAC	Vietnamese	
6	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	42	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese	
7	BUI VĂN THAI	CTK3	36-37	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese	
8	LÊ CANH HUNG	CTK3	03	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese	
9	TRẦN HAO	CTK3	44	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese	
10	NGUYỄN ĐỨC THANH	CTK3	05	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese	
11	PHẠM ĐỨC BÌNH	CTK3	40	1	15			81	KH-THAC	Vietnamese	
12	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	43	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese	
13	BUI KHÁC PHONG	CTK3	02	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese	
14	TRẦN DÂN	CTK3	33-34	2	20			77	KH-THAC	Vietnamese	
15	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	49-50	2	10			84	KH-THAC	Vietnamese	
16	NGUYỄN VĂN THẠO	CTK3	47-48	2	16			80	PSV	Vietnamese	
17	NGUYỄN HOANG HÀ	CTK3	38	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese	
18	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	39	1	9			75	KH-THAC	Vietnamese	
19	HÀ MINH GIANG	CTK3	46	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese	
20	NGUYỄN HỮU LƯU	CTK3	45	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese	
21	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	04	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese	
22	NGUYỄN NGỌC TUƠNG	CTK3	41	1	4			63	KH-THAC	Vietnamese	

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE							ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	W	PCS	W				
1	P5	4	262	4	50	0	0	1			
2	CTK3	18	1.330	22	154	5	100	21			
TOTAL		22	1.592	26	204	5	100	22			
WEIGHT KG			1.592		204		100				

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2024	TO: TD5 - P3 - TTC2	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 003	FROM: VT	CREW: NAM - N.ANH - VŨ	ETA: 11:40
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN HOANG LAM	TD5	84	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HOANH VU	TD5	75	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
3	NGO QUOC BAO	TD5	83	1	5			70	KHOAN	Vietnamese
4	BUI VIET BAC	TD5	76	1	9			76	KHOAN	Vietnamese
5	NHU THANH TUYEN	TD5	86	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
6	PHAM VAN HANH	TD5	78	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN SY LE	TD5	87	1	7			55	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH CONG	TD5	74	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN DIEU	TD5	77	1	5			66	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VIET DUNG	TD5	95	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TAN BINH	TD5	81	1	5			75	KHOAN	Vietnamese
12	VI KHAC THANH	TD5	90-91	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐANG ĐỨC TOANH	TD5	82	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VIET PHUONG	TD5	79-80	2	11			69	YTE	Vietnamese
15	NGUYEN VAN TINH	TD5	200	1	10			65	ĐANG KIEN	Vietnamese
16	NGUYEN DINH ĐỨC	TD5	98-99	2	11			96	ĐANG KIEN	Vietnamese
17	LUONG MINH PHUNG	TD5	92	1	10			60	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN HUU HOAN	TD5	85	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN QUYET QUYNH	TD5	93-94	2	20			65	BAKER HU	Vietnamese
20	NGUYEN NGOC HUAN	TD5	88-89	2	19			80	BAKER HU	Vietnamese
21	NGUYEN VAN BINH	TD5	96-97	2	15			76	BAKER HU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD5	21	1.535	27	186	0	0	18		
2	P3	0	0	0	0	0	0	2		
3	TTC2	0	0	0	0	2	25	2		
TOTAL		21	1.535	27	186	2	25	22		
WEIGHT KG			1.535		186		25			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2024	TO: BK9 - CTK3 - P4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: DU'ONG - M.ĐỨC - N.NAM	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO VĂN KHA KHA (HLO)	BK9	57	1	6			85	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	54	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	53	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN NGHĨA TÍN	BK9	91	1	10			80	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ NGỌC CHÍNH	BK9	55	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH TUẤN	BK9	52	1	15			76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN PHU	BK9	46-47	2	10			75	XAYLAP	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH VƯƠNG	BK9	38-39	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK9	44-45	2	14			58	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN SƠN	BK9	50	1	10	1	15	62	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐỖ LÊ SƠN	BK9	42-43	2	19			85	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TUYẾN	BK9	40-41	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN KIM THÔNG	BK9	89	1	15	1	15	56	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAN TIẾN CUÔNG	BK9	58	1	6			60	PSV	Vietnamese
15	PHẠM DỤC KIỂM	CTK3	26	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ MINH DỤC	CTK3	27	1	10			82	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM VĂN QUYỀN	P4	62	1	6	3	10	80	KHI	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC ĐẠI	P4	59-60	2	19			85	KH-THAC	Vietnamese
19	HỒ NGỌC BẾN	P4	57	1	13	1	20	72	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐỖ VĂN HIẾU	P4	61	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
21	TẠ HỒNG QUÂN	P4	58	1	13			65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK9	14	1.012	19	161	2	30	5		
2	CTK3	2	157	2	18	0	0	8		
3	P4	5	379	6	63	4	30	7		
TOTAL		21	1.548	27	242	6	60	20		
WEIGHT KG			1.548		242		60			

GRAND TOAL:

1.830 KGS + 20kg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2024		TO: BK14 - VSP01 - TD5				AIRCRAFT: 410			ETD: 12:15		
FLIGHT: 05		FROM: VT				CREW: CHIẾN - ĐNAM - QTRƯỜNG			ETA: 14:05		
VANG-3											
No.	PAXNAME		OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
							PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG		BK14	72	1	5			55	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG NGOC TUNG (HLO)		BK14	69	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC CƯỜNG		BK14	74-75	2	19			80	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐỨC		BK14	71	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ ĐÌNH HUY		BK14	66	1	6	1	10	62	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN BÌNH		BK14	971	1	5	1	7	75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SỸ LONG		BK14	972	1	8			82	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ĐAN QUÊ		BK14	70	1	11			77	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG DINH SAM		BK14	73	1	9			84	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUY LONG		BK14	67-68	2	18			60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THẾ HUY		BK14	39	1	10			79	CODIEN	Vietnamese
12	HỒ VĂN QUYNH		BK14	44	1	6			65	PSV	Vietnamese
13	NGO KIM LAM		VSP01	54-55	2	19			75	CODIEN	Vietnamese
14	CHU TUAN ANH		VSP01	60	1	13	1	14	65	CODIEN	Vietnamese
15	VŨ ĐÌNH NAM		VSP01	52-53	2	16			70	CODIEN	Vietnamese
16	NGO MINH PHƯƠNG		VSP01	58-59	2	15			90	ANTOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUAN CHUÔNG		VSP01	56-57	2	19			75	ANTOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU NHAN		VSP01	62	1	4	1	28	75	NIPI	Vietnamese
19	LISTER LARRY BIN SIMON		TD5	01-02	2	18			92	BAKER HUGHES	Malaysian
20	DO XUAN TRUONG		TD5	03-04	2	16	2	42	72	NHA THAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	12	856	14	109	2	17	11		
2	VSP01	6	450	10	86	2	42	0		
3	TD5	2	164	4	34	2	42	10		
TOTAL		20	1.470	28	229	6	101	21		
WEIGHT KG			1.470		229		101			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/09/2024	TO: TD3 - CTK3	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:10
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - TÚ	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO KINH THAO	TD3	32-33	2	22			71	T-TIN	Vietnamese
2	VU ANH MINH	TD3	30-31	2	20	1	20	76	T-TIN	Vietnamese
3	BUI TRUNG SON	TD3	34	1	7			72	PSV	Vietnamese
4	NGUYEN CONG CONG	CTK3	55	1	10			66	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN DANH TUAN	CTK3	47	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN DUC HANH	CTK3	54	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HOANG LAM	CTK3	41	1	5			68	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN MINH TUAN	CTK3	28	1	12			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN HUY HOANG (12556)	CTK3						85	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN QUYET THANG	CTK3	53	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM THANH QUANG	CTK3	22	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM QUANG THAI	CTK3	50	1	8			87	KH-THAC	Vietnamese
13	DANG THIEU THANH	CTK3	37	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
14	VU TRUNG KIEN	CTK3	32	1	15			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN HUY HOANG (21488)	CTK3	31	1	10			90	KH-THAC	Vietnamese
16	LE NGUYEN NHAT LINH	CTK3				6	110	87	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DOAN	CTK3	33	1	5			50	KH-THAC	Vietnamese
18	CU XUAN HUY	CTK3	27	1	9			64	HVJOC	Vietnamese
19	NGUYEN TRUNG DUC	CTK3	26,36	2	10			74	ANTOAN	Vietnamese
20	TRAN DINH MINH	CTK3	42	1	7			85	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION		DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1	TD3		3	219	5	49	1	20	0		
2	CTK3		17	1.257	16	122	6	110	16		
TOTAL			20	1.476	21	171	7	130	16		
WEIGHT KG				1.476		171		130			

GRAND TOAL: 1.777 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/09/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P6+TD2+PPD	7:25	15+5+0	0+0+0		0+3+18	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/09/2024		TO: P6 - TD2 - PPD				AIRCRAFT: 410			ETD: 07:30	
FLIGHT: 1		FROM: VT				CREW: TUYỀN - XTRƯỜNG -			ETA: 09:20	
XANH-I						QTRƯỜNG				
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VIỆT HÒA	P6	12-13	2	13			86	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN QUANG LƯU	P6	400	1	13			65	XAYLAP	Vietnamese
3	TRẦN DUY ANH	P6	16-17	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG HAI	P6	94-95	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM MINH TRUNG	P6	99	1	14			85	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ XUÂN VIỆT	P6	96	1	12			65	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN LUYỆN	P6	97-98	2	15			72	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ NGỌC HIỆU	P6	01-02	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN KHÁC BĂNG	P6	92-93	2	15			80	XAYLAP	Vietnamese
10	PHẠM VĂN LONG	P6	05	1	13			65	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN KHANH	P6	06-07	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
12	VŨ VĂN TOÀN	P6	03-04	2	10			70	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC HAO	P6	08-09	2	20			85	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐĂNG THANH	P6	10-11	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
15	LÊ NGỌC HAI	P6	14-15	2	18			65	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ VĂN KIEM	TD2	46	1	12			82	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN GIANG	TD2	49	1	7			73	DVL	Vietnamese
18	TRẦN ĐẠI HÙNG	TD2	50	1	7			75	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HIỆU	TD2	48	1	15	2	77	88	DVL	Vietnamese
20	PHAN TUẤN ĐỨC	TD2	47	1	10			66	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE							ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
				PCS	W	PCS	W				
1	P6	15	1.070	26	231	0	0	0			
2	TD2	5	384	5	51	2	77	3			
3	PPD	0	0	0	0	0	0	19			
TOTAL		20	1.454	31	282	2	77	22			
WEIGHT KG			1.454		282		77				

GRAND TOAL: 1.813 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN